

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 16-5-2022
V/v tranh chấp về ly hôn,
tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Tiến Thịnh.
2. Ông Nguyễn Thiện Lợi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Long – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 151/2021/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2021 về việc tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2022/QĐST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2022:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị N, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Thôn P, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Tiến D, sinh năm 1972;

Địa chỉ: tổ x, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

(Chị N, anh D đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/7/2021, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Chị Phạm Thị N trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị và Anh Nguyễn Tiến D tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình vào ngày 23/02/2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được 01 năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh D không tu chí làm ăn dẫn đến vợ chồng kinh tế khó khăn, tính tình vợ chồng không hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm sống nên thường xảy ra va chạm cãi vã nhau. Đã nhiều lần vợ chồng nói chuyện, hai bên gia đình tìm cách hòa giải nhưng không có kết quả. Đến giữa năm 2016, vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng nên vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến ai từ đó đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn Anh Nguyễn Tiến D.

Về con chung: Chị và Anh Nguyễn Tiến D có 01 con chung là Nguyễn Phạm Tường V, sinh ngày 09/02/2011. Ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu Anh Nguyễn Tiến D cấp dưỡng nuôi con.

Về phần tài sản chung: Vợ chồng chị không có tài sản chung, không vay chung ai tài sản gì và không cho ai vay chung tài sản gì nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Anh Nguyễn Tiến D đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến trình bày nộp cho Tòa án.

*** Tại Biên bản lấy lời khai của bà Trương Thị Hà là mẹ đẻ của Anh Nguyễn Tiến D thể hiện:** Về thời gian, điều kiện kết hôn như Chị N trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh D Chị N thuê nhà và sinh sống tại miền Nam. Đến năm 2016 thì vợ chồng anh D Chị N phát sinh mâu thuẫn, Chị N đã đưa con về Ninh Bình sinh sống từ đó đến nay. Khi hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, gia đình hai bên có hòa giải nhiều lần nhưng vợ chồng vẫn không hòa thuận được. Đến nay Chị N có đơn xin ly hôn anh D, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Vợ chồng anh D Chị N có 01 con chung là Nguyễn Phạm Tường V, sinh ngày 09/02/2011, hiện nay cháu đang ở với Chị N, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về phần tài sản chung: Vợ chồng anh D Chị N không có tài sản chung, vợ chồng anh chị không nợ gì với gia đình bà, không có công sức đóng góp vào khối tài sản chung của gia đình bà. Về nợ chung của vợ chồng anh D Chị N không có nợ chung, vay chung của ai cả. Gia đình bà có nhận được Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản của Tòa án, bà đã thông báo cho anh D, nhưng anh D bận

công việc không đến Tòa án được. Bà đề nghị Tòa án gửi văn bản tố tụng về cho gia đình bà, bà cam kết thông báo ngay cho anh D.

****Tại biên bản xác minh với Ủy ban nhân dân phường Trần Lãm, thành phố Thái Bình thể hiện:*** Chị N, anh D có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T vào ngày 23/02/2010. Đến năm 2016 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ đó đến nay. Nay Chị N có đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung anh D, Chị N có 01 con chung là Nguyễn Phạm Tường V, sinh ngày 09/02/2011, hiện nay cháu đang ở với Chị N. Anh D có hộ khẩu thường trú tại tổ 15 phường Trần Lãm, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

*** *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*** Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 147, 235, 238, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Căn cứ vào Điều 6, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Về quan hệ hôn nhân: xử cho Chị N được ly hôn anh D. Về con chung: Ly hôn, giao cho Chị N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Phạm Tường V. Về quan hệ tài sản: không đặt ra giải quyết. Án phí: Buộc Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và Tòa án có thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn, khởi kiện và có yêu cầu xin ly hôn, đề nghị giải quyết việc nuôi con chung do đó xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình nên Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do

nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa Chị N và anh D được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Do tính tình vợ chồng không hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm sống, kinh tế gia đình khó khăn nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Anh chị đã sống ly thân giữa năm 2016 đến nay không ai quan tâm đến ai, xét thấy hôn nhân giữa Chị N và anh D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy cần căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị N, cho Chị N được ly hôn anh D.

[4] Về quan hệ con cái: Chị Phạm Thị N và Anh Nguyễn Tiến D có 01 con chung là cháu Nguyễn Phạm Tường V, sinh ngày 09/02/2011. Cháu Vy có nguyện vọng ở với mẹ, Chị N có đủ điều kiện nuôi con và đã nuôi con ổn định từ năm 2016 đến nay nên cần chấp nhận yêu cầu của Chị N, giao cho Chị N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vy. Chấp nhận sự tự nguyện của Chị N không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về quan hệ tài sản và nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh D không trình bày về vấn đề tài sản, vì vậy không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

[6] Về án phí sơ thẩm: Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, 235, 238, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Căn cứ vào Điều 6, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị N được ly hôn Anh Nguyễn Tiến D.

[2]. Về quan hệ con cái: Giao cho Chị Phạm Thị N trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Phạm Tường V, sinh ngày 09/02/2011. Chấp nhận sự tự nguyện của Chị N không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Anh Nguyễn Tiến D có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Anh Nguyễn Tiến D, Chị Phạm Thị N có

quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

[3]. Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Phạm Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0000456 ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình; Chị Phạm Thị N đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị N, Anh Nguyễn Tiến D được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình; (Giấy chứng nhận kết hôn số: x ngày 23/02/2010)
- Chi cục THADS thành phố Thái Bình;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hương